

Số: 01934/2026/PKQ (NS/2607.008-011)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng: Công ty CP sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội
Địa chỉ: 8C đường Đinh Công Tráng, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Tên mẫu	NS/2607.008 - Số 23 Bà Triệu NS/2607.009 - Số 8 Trần Quốc Toàn NS/2607.010 - 61 Hàng Trống NS/2607.011 - Bệnh viện Phụ sản Trung Ương
Loại mẫu	Nước sạch
Tình trạng mẫu	Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L/ mẫu
Ngày nhận mẫu	06/07/2026
Thời gian thử nghiệm	06/07/2026 – 24/07/2026

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm				QCVN 01-1:2024/ BYT
				NS/2607.008	NS/2607.009	NS/2607.010	NS/2607.011	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Am d 1:2016	0	0	0	0	<1
2	E.Coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Am d 1:2016	0	0	0	0	<1
3	Asen (As) ^(a)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,006	0,006	0,005	0,006	0,01
4	Clo dư ^(a)	mg/L	TCVN 6225-3:2011	0,54	0,36 (LOQ=0,5)	0,36 (LOQ=0,5)	0,90	0,2 ÷ 1
5	Độ đục ^(a)	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1	<1	<1	<1	2
6	Màu sắc ^(a)	Pt-Co	TCVN 6185:2015	<5	<5	<5	<5	15
7	Mùi ^(c)	-	SMEWW 2150:2023	không có mùi lạ	không có mùi lạ	không có mùi lạ	không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,19	6,98	7,12	7,07	6 ÷ 8,5
9	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	US EPA Method 350.2: 1993	<0,23	<0,23	<0,23	<0,23	1
10	Chỉ số pecmanganat ^(a)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,8	0,48	0,68	0,80	2
11	Mangan (Mn) ^(a)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,06	<0,06	<0,06	<0,06	0,1

BM.01-TT.10

Lần ban hành: 04

Ngày ban hành: 01/06/2026

Trang 1/2

- Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
- Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
- Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm

Ghi chú:

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;
- <: Nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp thử;
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử
- ^(a): Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 557;
- ^(a): Chỉ tiêu chưa được công nhận theo Vilas 557, làm theo yêu cầu của khách hàng;
- Chỉ tiêu số 1, 2 do Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 1- Vilas 028 thực hiện.

NGƯỜI LẬP PHIẾU



Trinh Thị Hué

CÁN BỘ QA/QC



Ngô Thị Tuyền Yên

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2026

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM
KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN HÓA CHẤT
CHI NHÁNH VIỆN HÓA HỌC
CÔNG NGHIỆP
VIỆT NAM
TP. HÀ NỘI
TH.S Nguyễn Thanh Bình



Số: 01935/2026/PKQ (NS/2607.012-015)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng: Công ty CP sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội
Địa chỉ: 8C đường Đinh Công Tráng, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Tên mẫu	NS/2607.012 - UBND Phường Cửa Nam số 126 Hàng Trống NS/2607.013 - 180 Trần Quang Khải NS/2607.014 - Trường Mầm Non 20-10 NS/2607.015 - Trường PTTH Việt Đức
Loại mẫu	Nước sạch
Tình trạng mẫu	Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L
Ngày nhận mẫu	06/07/2026
Thời gian thử nghiệm	06/07/2026 – 24/07/2026

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm				QCVN 01-1:2024/ BYT
				NS/2607.012	NS/2607.013	NS/2607.014	NS/2607.015	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Am d 1:2016	0	0	0	0	<1
2	E.Coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Am d 1:2016	0	0	0	0	<1
3	Asen (As) ^(a)	mg/L	SMEWW 3113B: 2023	0,007	<0,005	0,005	0,005	0,01
4	Clo dư ^(a)	mg/L	TCVN 6225-3:2011	0,36 (LOQ= 0,5)	0,90	0,72	0,90	0,2 ÷ 1
5	Độ đục ^(a)	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1	<1	<1	<1	2
6	Màu sắc ^(a)	Pt-Co	TCVN 6185:2015	<5	<5	<5	<5	15
7	Mùi ^(c)	-	SMEWW 2150:2023	không có mùi lạ	không có mùi lạ	không có mùi lạ	không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,09	7,11	7,20	7,17	6 ÷ 8,5
9	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	US EPA Method 350.2: 1993	<0,23	<0,23	<0,23	<0,23	1
10	Chỉ số pecmanganat ^(a)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,48	0,48	0,72	0,88	2
11	Mangan (Mn) ^(a)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,06	<0,06	<0,06	<0,06	0,1

BM.01-TT.10

Lần ban hành: 04

Ngày ban hành: 01/06/2026

Trang 1/2

- Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
- Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
- Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm



TRUNG TÂM KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN HÓA CHẤT
CHI NHÁNH VIỆN HÓA HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

ĐC: Số 2 Phố Phạm Ngũ Lão, Phường Cửa Nam, Hà Nội

ĐT: 024.38260669/024.39334132

Email: ceecsvhcn@gmail.com

VILAS 557 - VIMCERTS 195

Ghi chú:

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;
- <: Nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp thử;
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử;
- ^(a): Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 557;
- ^(c): Chỉ tiêu chưa được công nhận theo Vilas 557, làm theo yêu cầu của khách hàng;
- Chỉ tiêu số 1, 2 do Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 1- Vilas 028 thực hiện.

NGƯỜI LẬP PHIẾU

Trịnh Thị Huế

CÁN BỘ QA/QC

Ngô Thị Tuyền Yên

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2026

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Ths Nguyễn Thanh Bình

1. Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
2. Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
3. Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm



TRUNG TÂM KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN HÓA CHẤT
CHI NHÁNH VIỆN HÓA HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

ĐC: Số 2 Phố Phạm Ngũ Lão, Phường Cửa Nam, Hà Nội

ĐT: 024.38260669/024.39334132

Email: ceecevhcn@gmail.com

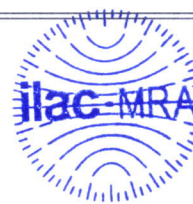
VILAS 557 - VIMCERTS 195

Số: 01936/2026/PKQ (NS/2607.016-019)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng: Công ty CP sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội

Địa chỉ: 8C đường Đinh Công Tráng, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội



VILAS 557

Tên mẫu	NS/2607.016 - 7 Lý Đạo Thành NS/2607.017 - 22 Trảng Tiền NS/2607.018 - 27 Trần Hưng Đạo NS/2607.019 - 24D Trần Hưng Đạo
Loại mẫu	Nước sạch
Tình trạng mẫu	Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L
Ngày nhận mẫu	06/07/2026
Thời gian thử nghiệm	06/07/2026 – 24/07/2026

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm				QCVN 01-1:2024/ BYT
				NS/2607.016	NS/2607.017	NS/2607.018	NS/2607.019	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	0	0	0	0	<1
2	E.Coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	0	0	0	0	<1
3	Asen (As) ^(a)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,006	0,007	0,007	0,006	0,01
4	Clo dư ^(a)	mg/L	TCVN 6225-3:2011	0,54	0,36 (LOQ= 0,5)	0,54	0,54	0,2 ÷ 1
5	Độ đục ^(a)	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1	<1	<1	<1	2
6	Màu sắc ^(a)	Pt-Co	TCVN 6185:2015	<5	<5	<5	<5	15
7	Mùi ^(a,b)	-	SMEWW 2150:2023	không có mùi lạ	không có mùi lạ	không có mùi lạ	không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	6,95	7,18	7,08	7,19	6 ÷ 8,5
9	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	US EPA Method 350.2: 1993	<0,23	<0,23	<0,23	<0,23	1
10	Chỉ số pecmanganat ^(a)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,64	0,48	0,8	0,80	2
11	Mangan (Mn) ^(a)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,06	<0,06	<0,06	<0,06	0,1

BM.01-TT.10

Lần ban hành: 04

Ngày ban hành: 01/06/2026

Trang 1/2

- Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
- Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
- Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm



TRUNG TÂM KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN HÓA CHẤT
CHI NHÁNH VIỆN HÓA HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

ĐC: Số 2 Phố Phạm Ngũ Lão, Phường Cửa Nam, Hà Nội
ĐT: 024.38260669/024.39334132 Email: ceecsvhcn@gmail.com

VILAS 557 - VIMCERTS 195

Ghi chú:

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;
- <: Nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp thử;
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử;
- ^(a): Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 557;
- ^(c): Chỉ tiêu chưa được công nhận theo Vilas 557, làm theo yêu cầu của khách hàng;
- Chỉ tiêu số 1, 2 do Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 1- Vilas 028 thực hiện.

NGƯỜI LẬP PHIẾU

Trịnh Thị Huế

CÁN BỘ QA/QC

Ngô Thị Tuyên Yên

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2026



Th.S Nguyễn Thanh Bình

1. Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
2. Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
3. Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm



Số: 01938/2026/PKQ (NS/2607.021-024)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



VILAS 557

Khách hàng: Công ty CP sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội
Địa chỉ: 8C đường Đinh Công Tráng, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Tên mẫu	NS/2607.021 - Nhà trẻ 31 Nhà Chung NS/2607.022 - 26 Hàng Gà NS/2607.023 - Trường ĐHKHTN - 19 Lê Thánh Tông NS/2607.024 - 1C Đặng Thái Thân
Loại mẫu	Nước sạch
Tình trạng mẫu	Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L/mẫu
Ngày nhận mẫu	06/07/2026
Thời gian thử nghiệm	06/07/2026 – 24/07/2026

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm				QCVN 01-1:2024/ BYT
				NS/2607.021	NS/2607.022	NS/2607.023	NS/2607.024	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	0	0	0	0	<1
2	E.Coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	0	0	0	0	<1
3	Asen (As) ^(a)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,006	0,007	0,005	0,006	0,01
4	Clo dư ^(a)	mg/L	TCVN 6225-3:2011	0,90	0,54	0,36 (LOQ=0,5)	0,72	0,2 ÷ 1
5	Độ đục ^(a)	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1	<1	<1	<1	2
6	Màu sắc ^(a)	Pt-Co	TCVN 6185:2015	<5	<5	<5	<5	15
7	Mùi ^(c)	-	SMEWW 2150:2023	không có mùi lạ	không có mùi lạ	không có mùi lạ	không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,22	7,17	7,09	7,13	6 ÷ 8,5
9	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	US EPA Method 350.2: 1993	<0,23	<0,23	<0,23	<0,23	1
10	Chỉ số pecmanganat ^(a)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,64	0,8	0,56	0,64	2
11	Mangan (Mn) ^(a)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,06	<0,06	<0,06	<0,06	0,1

- Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
- Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
- Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm



Ghi chú:

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;
- <: Nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp thử;
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử
- ^(a): Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 557;
- ^(a): Chỉ tiêu chưa được công nhận theo Vilas 557, làm theo yêu cầu của khách hàng;
- Chỉ tiêu số 1, 2 do Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 1- Vilas 028 thực hiện.

NGƯỜI LẬP PHIẾU

Trịnh Thị Huế

CÁN BỘ QA/QC

Ngô Thị Tuyền Yên

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2026

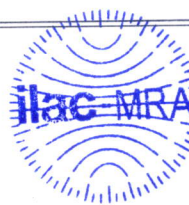


Th.S Nguyễn Thanh Bình



Số: 01939/2026/PKQ (NS/2607.025-027)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



Khách hàng: Công ty CP sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội
Địa chỉ: 8C đường Đinh Công Tráng, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Tên mẫu	NS/2607.025 - 23 Trần Hưng Đạo NS/2607.026 - 3 Trần Nguyên Hãn NS/2607.027 - 10 Hàm Long
Loại mẫu	Nước sạch
Tình trạng mẫu	Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L/mẫu
Ngày nhận mẫu	06/07/2026
Thời gian thử nghiệm	06/07/2026 – 24/07/2026

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm			QCVN 01-1:2024/BYT
				NS/2607.025	NS/2607.026	NS/2607.027	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	0	0	0	<1
2	E.Coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	0	0	0	<1
3	Asen (As) ^(a)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,007	0,006	0,007	0,01
4	Clo dư ^(a)	mg/L	TCVN 6225-3:2011	0,54	0,36 (LOQ=0,5)	0,54	0,2 ÷ 1
5	Độ đục ^(a)	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1	<1	<1	2
6	Màu sắc ^(a)	Pt-Co	TCVN 6185:2015	<5	<5	<5	15
7	Mùi ^(c)	-	SMEWW 2150:2023	không có mùi lạ	không có mùi lạ	không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,17	7,20	7,17	6 ÷ 8,5
9	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	US EPA Method 350.2: 1993	<0,23	<0,23	<0,23	1
10	Chỉ số pecmanganat ^(a)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,64	0,96	0,48	2
11	Mangan (Mn) ^(a)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,06	<0,06	<0,06	0,1

Ghi chú:

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;
- <: Nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp thử;

BM.01-TT.10

Lần ban hành: 04

Ngày ban hành: 01/06/2026

Trang 1/2

- Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
- Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
- Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm



- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử
- ^(a): Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 557;
- ^(c): Chỉ tiêu chưa được công nhận theo Vilas 557, làm theo yêu cầu của khách hàng;
- Chỉ tiêu số 1, 2 do Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 1- Vilas 028 thực hiện.

NGƯỜI LẬP PHIẾU

Trịnh Thị Huế

CÁN BỘ QA/QC

Ngô Thị Tuyền Yên

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2026



Th.S Nguyễn Thanh Bình

1. Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
2. Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
3. Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm



Số: 01940/2026/PKQ (NS/2607.028-030)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



Khách hàng: Công ty CP sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội
Địa chỉ: 8C đường Đinh Công Tráng, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Tên mẫu	NS/2607.028 - 15 Trần Bình Trọng NS/2607.029 - 52 Thợ Nhuộm NS/2607.030 - 74 Quán Sứ
Loại mẫu	Nước sạch
Tình trạng mẫu	Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L/mẫu
Ngày nhận mẫu	06/07/2026
Thời gian thử nghiệm	06/07/2026 – 24/07/2026

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm			QCVN 01-1:2024/ BYT
				NS/2607.028	NS/2607.029	NS/2607.030	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	0	0	0	<1
2	E.Coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	0	0	0	<1
3	Asen (As) ^(a)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,007	0,007	0,006	0,01
4	Clo dư ^(a)	mg/L	TCVN 6225-3:2011	0,36 (LOQ=0,5)	0,36 (LOQ=0,5)	0,54	0,2 ÷ 1
5	Độ đục ^(a)	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1	<1	<1	2
6	Màu sắc ^(a)	Pt-Co	TCVN 6185:2015	<5	<5	<5	15
7	Mùi ^(c)	-	SMEWW 2150:2023	không có mùi lạ	không có mùi lạ	không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	6,98	7,22	7,21	6 ÷ 8,5
9	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	US EPA Method 350.2: 1993	<0,23	<0,23	<0,23	1
10	Chỉ số pecmanganat ^(a)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,48	0,64	0,6	2
11	Mangan (Mn) ^(a)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,06	<0,06	<0,06	0,1

Ghi chú:

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;
- <: Nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp thử;
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử

BM.01-TT.10

Lần ban hành: 04

Ngày ban hành: 01/06/2026

Trang 1/2

- Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
- Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
- Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm



TRUNG TÂM KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN HÓA CHẤT
CHI NHÁNH VIỆN HÓA HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

ĐC: Số 2 Phố Phạm Ngũ Lão, Phường Cửa Nam, Hà Nội

ĐT: 024.38260669/024.39334132

Email: ceeesvhhcn@gmail.com

VILAS 557 - VIMCERTS 195

- (a): Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 557;
- (c): Chỉ tiêu chưa được công nhận theo Vilas 557, làm theo yêu cầu của khách hàng;
- Chỉ tiêu số 1, 2 do Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 1- Vilas 028 thực hiện.

NGƯỜI LẬP PHIẾU

Trịnh Thị Huế

CÁN BỘ QA/QC

Ngô Thị Tuyền Yên

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2026



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

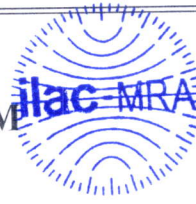
Th.S Nguyễn Thanh Bình

1. Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
2. Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
3. Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm



Số: 01941/2026/PKQ (NS/2607.031-033)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



Khách hàng: Công ty CP sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội
Địa chỉ: 8C đường Đinh Công Tráng, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Tên mẫu	NS/2607.031 - 6A Quang Trung NS/2607.032 - 25 Nguyễn Gia Thiều NS/2607.033 - 9 Hàng Chai
Loại mẫu	Nước sạch
Tình trạng mẫu	Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L/ mẫu
Ngày nhận mẫu	06/07/2026
Thời gian thử nghiệm	06/07/2026 – 24/07/2026

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm			QCVN 01-1:2024/BYT
				NS/2607.031	NS/2607.032	NS/2607.033	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	0	0	0	<1
2	E.Coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	0	0	0	<1
3	Asen (As) ^(a)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,006	0,007	0,005	0,01
4	Clo dư ^(a)	mg/L	TCVN 6225-3:2011	0,36 (LOQ=0,5)	0,72	0,36 (LOQ=0,5)	0,2 ÷ 1
5	Độ đục ^(a)	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1	<1	<1	2
6	Màu sắc ^(a)	Pt-Co	TCVN 6185:2015	<5	<5	<5	15
7	Mùi ^(c)	-	SMEWW 2150:2023	không có mùi lạ	không có mùi lạ	không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	6,91	7,14	7,15	6 ÷ 8,5
9	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	US EPA Method 350.2: 1993	<0,23	<0,23	<0,23	1
10	Chỉ số pecmanganat ^(a)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,48	<0,45	0,64	2
11	Mangan (Mn) ^(a)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,06	<0,06	<0,06	0,1

Ghi chú:

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;
- <: Nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp thử;

BM.01-TT.10

Lần ban hành: 04

Ngày ban hành: 01/06/2026

Trang 1/2

- Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
- Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
- Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm



TRUNG TÂM KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN HÓA CHẤT
CHI NHÁNH VIỆN HÓA HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

ĐC: Số 2 Phố Phạm Ngũ Lão, Phường Cửa Nam, Hà Nội

ĐT: 024.38260669/024.39334132

Email: ceecsvhhen@gmail.com

VILAS 557 - VIMCERTS 195

- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử
- ^(a): Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 557;
- ^(c): Chỉ tiêu chưa được công nhận theo Vilas 557, làm theo yêu cầu của khách hàng;
- Chỉ tiêu số 1, 2 do Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 1- Vilas 028 thực hiện.

NGƯỜI LẬP PHIẾU

Trịnh Thị Huế

CÁN BỘ QA/QC

Ngô Thị Tuyền Yên

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2026

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN HÓA CHẤT
CHI NHÁNH VIỆN HÓA HỌC
CÔNG NGHIỆP
VIỆT NAM
HOÀN KIỂM - TP. HÀ NỘI

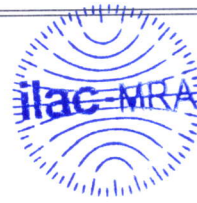
Th.S Nguyễn Thanh Bình

1. Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
2. Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
3. Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm



Số: 01942/2026/PKQ (NS/2607.034-036)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



Khách hàng: Công ty CP sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội
Địa chỉ: 8C đường Đinh Công Tráng, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Tên mẫu	NS/2607.034 - 48 Hai Bà Trưng NS/2607.035 - 44 Lê Thái Tổ NS/2607.036 - 28 Phùng Hưng
Loại mẫu	Nước sạch
Tình trạng mẫu	Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L/ mẫu
Ngày nhận mẫu	06/07/2026
Thời gian thử nghiệm	06/07/2026 – 24/07/2026

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm			QCVN 01-1:2024/BYT
				NS/2607.034	NS/2607.035	NS/2607.036	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	0	0	0	<1
2	E.Coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	0	0	0	<1
3	Asen (As) ^(a)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,006	0,007	0,007	0,01
4	Clo dư ^(a)	mg/L	TCVN 6225-3:2011	0,54	0,9	0,36 (LOQ=0,5)	0,2 ÷ 1
5	Độ đục ^(a)	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1	<1	<1	2
6	Màu sắc ^(a)	Pt-Co	TCVN 6185:2015	<5	<5	<5	15
7	Mùi ^(c)	-	SMEWW 2150:2023	không có mùi lạ	không có mùi lạ	không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,11	7,17	7,15	6 ÷ 8,5
9	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	US EPA Method 350.2: 1993	<0,23	<0,23	<0,23	1
10	Chỉ số pecmanganat ^(a)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,72	0,64	0,64	2
11	Mangan (Mn) ^(a)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,06	<0,06	<0,06	0,1

Ghi chú:

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;
- <: Nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp thử;

BM.01-TT.10

Lần ban hành: 04

Ngày ban hành: 01/06/2026

Trang 1/2

- Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
- Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
- Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm



TRUNG TÂM KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN HÓA CHẤT
CHI NHÁNH VIỆN HÓA HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

ĐC: Số 2 Phố Phạm Ngũ Lão, Phường Cửa Nam, Hà Nội

ĐT: 024.38260669/024.39334132

Email: ceecsvhcn@gmail.com

VILAS 557 - VIMCERTS 195

- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử
- (a): Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 557;
- (c): Chỉ tiêu chưa được công nhận theo Vilas 557, làm theo yêu cầu của khách hàng;
- Chỉ tiêu số 1, 2 do Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 1- Vilas 028 thực hiện.

NGƯỜI LẬP PHIẾU

Trịnh Thị Huế

CÁN BỘ QA/QC

Ngô Thị Tuyên Yên

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2026

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

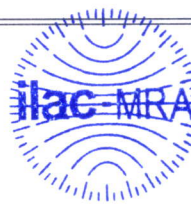
Th.S Nguyễn Thanh Bình

1. Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
2. Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
3. Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm



Số: 01943/2026/PKQ (NS/2607.037-040)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



Khách hàng: Công ty CP sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội
Địa chỉ: 8C đường Đinh Công Tráng, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Tên mẫu	NS/2607.037 - 57 Hàng Bồ NS/2607.038 - 27 Hàng Cót NS/2607.039 - 37 Hàng Vải NS/2607.040 - 2 Yên Thái
Loại mẫu	Nước sạch
Tình trạng mẫu	Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L/ mẫu
Ngày nhận mẫu	06/07/2026
Thời gian thử nghiệm	06/07/2026 – 24/07/2026

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm				QCVN 01-1:2024/ BYT
				NS/2607.037	NS/2607.038	NS/2607.039	NS/2607.040	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	0	0	0	0	<1
2	E.Coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	0	0	0	0	<1
3	Asen (As) ^(a)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,006	0,006	0,007	0,005	0,01
4	Clo dư ^(a)	mg/L	TCVN 6225-3:2011	0,54	0,54	0,36 (LOQ=0,5)	0,63	0,2 ÷ 1
5	Độ đục ^(a)	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1	<1	<1	<1	2
6	Màu sắc ^(a)	Pt-Co	TCVN 6185:2015	<5	<5	<5	<5	15
7	Mùi ^(c)	-	SMEWW 2150:2023	không có mùi lạ	không có mùi lạ	không có mùi lạ	không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,21	7,14	7,11	7,21	6 ÷ 8,5
9	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	US EPA Method 350.2: 1993	<0,23	<0,23	<0,23	<0,23	1
10	Chỉ số pecmanganat ^(a)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,48	0,56	0,64	0,64	2
11	Mangan (Mn) ^(a)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,06	<0,06	<0,06	<0,06	0,1

- Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
- Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
- Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm



TRUNG TÂM KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN HÓA CHẤT
CHI NHÁNH VIỆN HÓA HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

ĐC: Số 2 Phố Phạm Ngũ Lão, Phường Cửa Nam, Hà Nội

ĐT: 024.38260669/024.39334132

Email: ceeecsvhhen@gmail.com

VILAS 557 - VIMCERTS 195

Ghi chú:

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;
- <: Nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp thử;
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử
- ^(a): Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 557;
- ^(c): Chỉ tiêu chưa được công nhận theo Vilas 557, làm theo yêu cầu của khách hàng;
- Chỉ tiêu số 1, 2 do Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 1- Vilas 028 thực hiện.

NGƯỜI LẬP PHIẾU

Trịnh Thị Huế

CÁN BỘ QA/QC

Ngô Thị Tuyền Yển

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2026



Th.S Nguyễn Thanh Bình

1. Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
2. Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
3. Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm



Số: 01944/2026/PKQ (NS/2607.041-044)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



Khách hàng: Công ty CP sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội
Địa chỉ: 8C đường Đinh Công Tráng, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

VILAS 557

Tên mẫu	NS/2607.041 - Ngõ 2 Hàm Long NS/2607.042 - 23 Gầm Cầu NS/2607.043 - 23 Phan Bội Châu NS/2607.044 - 25 Tạm Thương
Loại mẫu	Nước sạch
Tình trạng mẫu	Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L/ mẫu
Ngày nhận mẫu	06/07/2026
Thời gian thử nghiệm	06/07/2026 – 24/07/2026

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm				QCVN 01-1:2024/ BYT Ngưỡng giới hạn cho phép
				NS/2607.041	NS/2607.042	NS/2607.043	NS/2607.044	
1	Coliform	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	0	0	0	0	<1
2	E.Coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	0	0	0	0	<1
3	Asen (As) ^(a)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,006	0,005	0,006	0,007	0,01
4	Clo dư ^(a)	mg/L	TCVN 6225-3:2011	0,72	0,54	0,54	0,36 (LOQ=0,5)	0,2 ÷ 1
5	Độ đục ^(a)	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1	<1	<1	<1	2
6	Màu sắc ^(a)	Pt-Co	TCVN 6185:2015	<5	<5	<5	<5	15
7	Mùi ^(c)	-	SMEWW 2150:2023	không có mùi lạ	không có mùi lạ	không có mùi lạ	không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,22	7,23	7,17	7,25	6 ÷ 8,5
9	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	US EPA Method 350.2: 1993	<0,23	<0,23	<0,23	<0,23	1
10	Chỉ số pecmanganat ^(a)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,64	1,12	1,12	0,64	2
11	Mangan (Mn) ^(a)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,06	<0,06	<0,06	<0,06	0,1

BM.01-TT.10

Lần ban hành: 04

Ngày ban hành: 01/06/2026

Trang 1/2

- Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
- Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
- Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm



TRUNG TÂM KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN HÓA CHẤT
CHI NHÁNH VIỆN HÓA HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

ĐC: Số 2 Phố Phạm Ngũ Lão, Phường Cửa Nam, Hà Nội

ĐT: 024.38260669/024.39334132

Email: ceecsvhcn@gmail.com

VILAS 557 - VIMCERTS 195

Ghi chú:

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;
- <: Nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp thử;
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử
- ^(a): Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 557;
- ^(c): Chỉ tiêu chưa được công nhận theo Vilas 557, làm theo yêu cầu của khách hàng;
- Chỉ tiêu số 1, 2 do Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 1- Vilas 028 thực hiện.

NGƯỜI LẬP PHIẾU

Trịnh Thị Huế

CÁN BỘ QA/QC

Ngô Thị Tuyên Yên

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2026



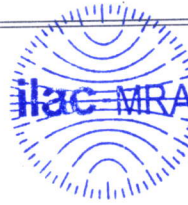
Th.S Nguyễn Thanh Bình

1. Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
2. Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
3. Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm



Số: 01946/2026/PKQ (NS/2607.046-048)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



Khách hàng: Công ty CP sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội
Địa chỉ: 8C đường Đinh Công Tráng, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

VILAS 557

Tên mẫu	NS/2607.046 - 20 Hàng Hành NS/2607.047 - 07 Mã Mây NS/2607.048 - 11 Hàng Dầu
Loại mẫu	Nước sạch
Tình trạng mẫu	Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L/ mẫu
Ngày nhận mẫu	06/07/2026
Thời gian thử nghiệm	06/07/2026 – 24/07/2026

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm			QCVN 01-1:2024/BYT
				NS/2607.046	NS/2607.047	NS/2607.048	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	0	0	0	<1
2	E.Coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	0	0	0	<1
3	Asen (As) ^(a)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,006	0,007	0,008	0,01
4	Clo dư ^(a)	mg/L	TCVN 6225-3:2011	0,36 (LOQ=0,5)	0,90	0,72	0,2 ÷ 1
5	Độ đục ^(a)	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1	<1	<1	2
6	Màu sắc ^(a)	Pt-Co	TCVN 6185:2015	<5	<5	<5	15
7	Mùi ^(c)	-	SMEWW 2150:2023	không có mùi lạ	không có mùi lạ	không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,21	7,19	7,42	6 ÷ 8,5
9	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	US EPA Method 350.2: 1993	<0,23	<0,23	<0,23	1
10	Chỉ số pecmanganat ^(a)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,64	1,12	0,96	2
11	Mangan (Mn) ^(a)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,06	<0,06	<0,06	0,1

Ghi chú:

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;
- <: Nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp thử;

BM.01-TT.10

Lần ban hành: 04

Ngày ban hành: 01/06/2026

Trang 1/2

- Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
- Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
- Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm



TRUNG TÂM KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN HÓA CHẤT
CHI NHÁNH VIỆN HÓA HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

ĐC: Số 2 Phố Phạm Ngũ Lão, Phường Cửa Nam, Hà Nội

ĐT: 024.38260669/024.39334132

Email: ceeecsvhhen@gmail.com

VILAS 557 - VIMCERTS 195

- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử;
- ^(a): Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 557;
- ^(c): Chỉ tiêu chưa được công nhận theo Vilas 557, làm theo yêu cầu của khách hàng;
- Chỉ tiêu số 1, 2 do Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 1- Vilas 028 thực hiện.

NGƯỜI LẬP PHIẾU

Trịnh Thị Huế

CÁN BỘ QA/QC

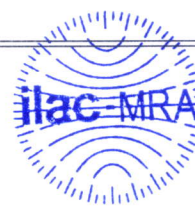
Ngô Thị Tuyền Yên

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2026



Th.S Nguyễn Thanh Bình

1. Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
2. Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
3. Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm



Số: 01947/2026/PKQ (NS/2607.049-051)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng: Công ty CP sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội
Địa chỉ: 8C đường Đinh Công Tráng, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Tên mẫu	NS/2607.049 - 199 Hàng Bông NS/2607.050 - 8 Hàng Rươi NS/2607.051 - 1 Trần Phú
Loại mẫu	Nước sạch
Tình trạng mẫu	Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L
Ngày nhận mẫu	06/07/2026
Thời gian thử nghiệm	06/07/2026 – 24/07/2026

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm			QCVN 01-1:2024/BYT
				NS/2607.049	NS/2607.050	NS/2607.051	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	0	0	0	<1
2	E.Coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	0	0	0	<1
3	Asen (As) ^(a)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,006	0,006	0,006	0,01
4	Clo dư ^(a)	mg/L	TCVN 6225-3:2011	0,72	0,90	0,54	0,2 ÷ 1
5	Độ đục ^(a)	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1	<1	<1	2
6	Màu sắc ^(a)	Pt-Co	TCVN 6185:2015	<5	<5	<5	15
7	Mùi ^(c)	-	SMEWW 2150:2023	không có mùi lạ	không có mùi lạ	không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,45	7,22	7,19	6 ÷ 8,5
9	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	US EPA Method 350.2: 1993	<0,23	<0,23	<0,23	1
10	Chỉ số pecmanganat ^(a)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,96	0,76	0,58	2
11	Mangan (Mn) ^(a)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,06	<0,06	<0,06	0,1

Ghi chú:

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;
- <: Nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp thử;

BM.01-TT.10

Lần ban hành: 04

Ngày ban hành: 01/06/2026

Trang 1/2

- Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
- Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
- Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm



TRUNG TÂM KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN HÓA CHẤT
CHI NHÁNH VIỆN HÓA HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

ĐC: Số 2 Phố Phạm Ngũ Lão, Phường Cửa Nam, Hà Nội

ĐT: 024.38260669/024.39334132

Email: ceeecsvhnen@gmail.com

VILAS 557 - VIMCERTS 195

- (a): Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 557;
- (c): Chỉ tiêu chưa được công nhận theo Vilas 557, làm theo yêu cầu của khách hàng;
- Chỉ tiêu số 1, 2 do Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 1- Vilas 028 thực hiện.

NGƯỜI LẬP PHIẾU

Trịnh Thị Huế

CÁN BỘ QA/QC

Ngô Thị Tuyền Yên

Hà Nội, ngày 12 tháng 07 năm 2026



Th.S Nguyễn Thanh Bình

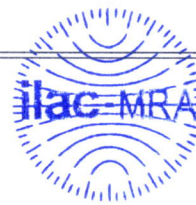
1. Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
2. Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
3. Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm



TRUNG TÂM KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN HÓA CHẤT
CHI NHÁNH VIỆN HÓA HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

DC: Số 2 Phố Phạm Ngũ Lão, Phường Cửa Nam, Hà Nội
ĐT: 024.38260669/024.39334132 Email: ceeecsvhcn@gmail.com

VILAS 557 - VIMCERTS 195



VILAS 557

Số: 01948/2026/PKQ (NS/2607.052-054)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng: Công ty CP sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội
Địa chỉ: 8C đường Đinh Công Tráng, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Tên mẫu	NS/2607.052 - 87 Mã Mây NS/2607.053 - 33 Đường Thành NS/2607.054 - 96 Hai Bà Trưng
Loại mẫu	Nước sạch
Tình trạng mẫu	Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L
Ngày nhận mẫu	06/07/2026
Thời gian thử nghiệm	06/07/2026 – 24/07/2026

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm			QCVN 01-1:2024/ BYT Ngưỡng giới hạn cho phép
				NS/2607.052	NS/2607.053	NS/2607.054	
1	Coliform	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	0	0	0	<1
2	E.Coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	0	0	0	<1
3	Asen (As) ^(a)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,006	0,006	0,006	0,01
4	Clo dư ^(a)	mg/L	TCVN 6225-3:2011	0,36 (LOQ=0,5)	0,72	0,54	0,2 ÷ 1
5	Độ đục ^(a)	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1	<1	<1	2
6	Màu sắc ^(a)	Pt-Co	TCVN 6185:2015	<5	<5	<5	15
7	Mùi ^(c)	-	SMEWW 2150:2023	không có mùi lạ	không có mùi lạ	không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,41	7,23	7,51	6 ÷ 8,5
9	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	US EPA Method 350.2: 1993	<0,23	<0,23	<0,23	1
10	Chỉ số pecmanganat ^(a)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,63	0,71	0,63	2
11	Mangan (Mn) ^(a)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,06	<0,06	<0,06	0,1

Ghi chú:

- QCVN 01-1:2024/ BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;
- <: Nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp thử;
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử

BM.01-TT.10

Lần ban hành: 04

Ngày ban hành: 01/06/2026

Trang 1/2

- Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
- Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
- Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm



TRUNG TÂM KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN HÓA CHẤT
CHI NHÁNH VIỆN HÓA HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

ĐC: Số 2 Phố Phạm Ngũ Lão, Phường Cửa Nam, Hà Nội

ĐT: 024.38260669/024.39334132

Email: ceecsvhcn@gmail.com

VILAS 557 - VIMCERTS 195

- ^(a): Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 557;
- ^(c): Chỉ tiêu chưa được công nhận theo Vilas 557, làm theo yêu cầu của khách hàng;
- Chỉ tiêu số 1, 2 do Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 1- Vilas 028 thực hiện.

NGƯỜI LẬP PHIẾU

Trịnh Thị Huế

CÁN BỘ QA/QC

Ngô Thị Tuyền Yên

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2026



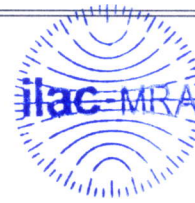
Th.S Nguyễn Thanh Bình

1. Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
2. Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
3. Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm

Số: 01949/2026/PKQ (NS/2607.055-056)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng: Công ty CP sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội
Địa chỉ: 8C đường Đinh Công Tráng, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội



Tên mẫu	NS/2607.055 - 691 Bạch Đằng NS/2607.056 - 11 Hà Chung
Loại mẫu	Nước sạch
Tình trạng mẫu	Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L/ mẫu
Ngày nhận mẫu	06/07/2026
Thời gian thử nghiệm	06/07/2026 – 24/07/2026

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm		QCVN 01-1:2024/BYT
				NS/2607.055	NS/2607.056	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	0	0	<1
2	E.Coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	0	0	<1
3	Asen (As) ^(a)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,006	0,006	0,01
4	Clo dư ^(a)	mg/L	TCVN 6225-3:2011	0,36 (LOQ=0,5)	0,81	0,2 ÷ 1
5	Độ đục ^(a)	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1	<1	2
6	Màu sắc ^(a)	Pt-Co	TCVN 6185:2015	<5	<5	15
7	Mùi ^(c)	-	SMEWW 2150:2023	không có mùi lạ	không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,24	7,45	6 ÷ 8,5
9	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	US EPA Method 350.2: 1993	<0,23	<0,23	1
10	Chỉ số pecmanganat ^(a)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,47	0,78	2
11	Mangan (Mn) ^(a)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,06	<0,06	0,1

Ghi chú:

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;
- <: Nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp thử;
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử
- ^(a): Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 557;

BM.01-TT.10

Lần ban hành: 04

Ngày ban hành: 01/06/2026

Trang 1/2

- Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
- Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
- Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm

B



TRUNG TÂM KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN HÓA CHẤT
CHI NHÁNH VIỆN HÓA HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

ĐC: Số 2 Phố Phạm Ngũ Lão, Phường Cửa Nam, Hà Nội
ĐT: 024.38260669/024.39334132 Email: ceecsvhcn@gmail.com

VILAS 557 - VIMCERTS 195

- ^(c): Chỉ tiêu chưa được công nhận theo Vilas 557, làm theo yêu cầu của khách hàng;
- Chỉ tiêu số 1, 2 do Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 1- Vilas 028 thực hiện.

NGƯỜI LẬP PHIẾU

Trịnh Thị Huế

CÁN BỘ QA/QC

Ngô Thị Tuyền Yên

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2026



KT: GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Th.S Nguyễn Thanh Bình

- Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
- Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
- Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm



TRUNG TÂM KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN HÓA CHẤT
CHI NHÁNH VIỆN HÓA HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

ĐC: Số 2 Phố Phạm Ngũ Lão, Phường Cửa Nam, Hà Nội
ĐT: 024.38260669/024.39334132 Email: ccecsvhhcn@gmail.com

VILAS 557 - VIMCERTS 195

Số: 01933/2026/PKQ (NS/2607.007)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng: Công ty CP sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội
Địa chỉ: 8C đường Đinh Công Tráng, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội



Tên mẫu	NS/2607.007 - Sau bơm II
Loại mẫu	Nước sạch
Tình trạng mẫu	Mẫu đựng trong chai nhựa, 1,5L/ mẫu
Ngày nhận mẫu	06/07/2026
Thời gian thử nghiệm	06/07/2026 – 24/07/2026

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	QCVN 01-1:2024/BYT
				NS/2607.007	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	0	<1
2	E.Coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	0	<1
3	Asen (As) ^(a)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,008	0,01
4	Clo dư ^(a)	mg/L	TCVN 6225-3:2011	0,36 (LOQ=0,5)	0,2 ÷ 1
5	Độ đục ^(a)	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1	2
6	Màu sắc ^(a)	Pt-Co	TCVN 6185:2015	<5	15
7	Mùi ^(c)	-	SMEWW 2150:2023	không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,08	6 ÷ 8,5
9	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	US EPA Method 350.2: 1993	<0,23	1
10	Chỉ số pecmanganat ^(a)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,64	2
11	Mangan (Mn) ^(a)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,06	0,1

Ghi chú:

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;
- <: Nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp thử;
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử;
- ^(a): Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 557;
- ^(b): Chỉ tiêu chưa được công nhận theo Vilas 557, làm theo yêu cầu của khách hàng;
- Chỉ tiêu số 1, 2 do Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 1- Vilas 028 thực hiện.

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2026

NGƯỜI LẬP PHIẾU

CÁN BỘ QA/QC

Trinh Thị Hué

Ngô Thị Tuyền Yên



Th.S Nguyễn Thanh Bình

BM.01-TT.10

Lần ban hành: 04

Ngày ban hành: 01/06/2026

Trang 1/1

- Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
- Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
- Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm